

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/ 11/ 2022

V/v: "Ly hôn tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Trung Kiên
2. Bà Bạc Thị Kiên

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 15/11/2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXX-ST ngày 16/9/2022 và QĐ hoãn Phiên tòa số 07 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị Hương C - Sinh năm 1993 (có mặt)
Trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T - Sinh năm 1991 (vắng mặt có lý do)
Nơi ĐKKHKT: Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Q
Trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/8/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, chị Vì Thị Hương C (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Cô Tô, tỉnh Q vào ngày 27/01/2016. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh T không tu chí lần ăn thường tụ tập bạn bè uống rượu, bia và đi qua đêm không về nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tôi và gia đình đã khuyên bảo đã hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 02/2021 tôi về nhà mẹ đẻ ở bản N cho đến nay, anh T có quay lại thăm tôi và con, khuyên tôi quay về nhà chung sống. Vì tình cảm vợ chồng không còn, anh T cũng không thay đổi thói quen bị

nghiện rượu. Hơn nữa chúng tôi quá nhiều mâu thuẫn không hòa giải được. Nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/7/2016 và Nguyễn Vân N sinh ngày 13/01/2020. Quan điểm của tôi và anh T thống nhất tôi nuôi cháu nhỏ Nguyễn Vân N, anh T nuôi cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng: Chị C không cầu Tòa án giải quyết; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Viết T (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô C có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Q vào ngày 27/01/2016. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc là đúng. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bản thân tôi thường xuyên đi uống rượu, bia và có đi qua đêm không về nhà, vợ tôi đã tham gia khuyên bảo tôi đã giảm bớt phần nào nhưng thì thoảng vẫn đi uống qua đêm. Không dành thời gian quan tâm chăm sóc vợ, con. Tôi và cô C thường xảy ra cãi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cô C đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân tôi có lên Đ thăm vợ, con động viên cô ấy quay về nhà chung sống nhưng cô Chanh không đồng ý nói đã hết tình cảm với tôi. Nay cô C làm đơn ly hôn tôi không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với vợ, con.

2. Về phần con chung: Tôi và cô C có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/7/2016 và Nguyễn Vân N sinh ngày 13/01/2020. Quan điểm của tôi nếu vợ chồng ly hôn tôi đồng ý để cô Chanh nuôi cháu Nguyễn Vân N. Tôi nuôi cháu T cho đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có

Tôi đã nhận được Quyết định xét xử của Tòa án. Hiện bản thân tôi đang phải đi làm thuê tại thành phố H không về tham gia phiên Tòa được, đề nghị Tòa xét xử vắng mặt tôi. Quan điểm của tôi về hôn nhân, con chung, và tài sản đã trình bày trong bản tự khai tôi vẫn giữ nguyên ý kiến không thay đổi.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Như đề anh T nuôi cháu T và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản riêng; tài sản chung; nợ lấy về; nợ phải trả; Diện tích ruộng nương: Không có

- Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tổ tụng. Mặc dù anh T đăng ký thường trú tại Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Q. Nhưng nguyên đơn và bị đơn lựa chọn Tòa án huyện Đ là nơi cư trú của nguyên đơn và nơi tạm trú của bị đơn đều có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để giải quyết. Do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Thắng có đơn xin xét xử vắng mặt Cho nên căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N Viết T và chị Vĩ Thị Hương C tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Q năm 2016. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành và hai anh chị đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay.

Theo lời khai của chị C cho thấy sau khi kết hôn 2 anh chị không tìm được tiếng nói chung bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau. Anh T thường xuyên uống rượu bia không quan tâm vợ con. Sau khi hòa giải không thành 2 anh chị đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay chị cho rằng đã hết tình cảm và không cho anh T cơ hội hàn gắn, nhất quyết xin ly hôn.

Tại bản tự khai tại Tòa án ngày 31/8/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án anh T thừa nhận do lỗi của mình dẫn đến mâu thuẫn bất đồng vì anh thường xuyên đi uống rượu, bia quan tâm không chăm sóc vợ con, chị C có khuyên bảo nhưng anh vẫn không từ bỏ được thói quen. Anh không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do hai anh chị bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau thường xảy ra cãi vã dẫn đến ly thân, anh T có ý định quay lại hàn gắn tình cảm nhưng lại không sửa chữa lỗi lầm vẫn không quan tâm, chăm sóc vợ, con chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng. Chị C cho rằng đã hết tình cảm nên nhất định xin ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi của cả hai anh chị và để giải phóng chị C thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân một năm nay. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị C xử cho ly hôn giữa chị C và anh Nguyễn Viết T

[3] Về con chung: Chị C và anh T đã thống nhất chị C nuôi cháu Nguyễn Vân N, anh T nuôi cháu Nguyễn Mạnh T. Xét nguyện vọng và thỏa thuận của anh chị là chính đáng phù hợp với quy định Luật hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C và Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vi Thị Hương C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vi Thị Hương C được ly hôn với anh Nguyễn Viết T.
2. Về con chung: Chị C được quyền trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 13/01/2020. Anh T được quyền trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/7/2016 cho đến khi các cháu thành niên và đủ khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung: Hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nợ phải trả; Nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không có.

- 4 Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Vi Thị Hương C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị C đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0005039 ngày 19/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ (chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ
- Các đương sự;
- UBND xã C.
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

